

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP K**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG**  
**M? HOC PHẦN : CIE - 324**

|         |   |
|---------|---|
| HỌC KỲ  | 4 |
| TÍN CHỈ | 1 |
| LẦN THI | 1 |

Ngày thi: 06/12/2011

| STT | MSV       | Họ và tên    |        | Lớp     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |     |   |   |   |   |   | ĐIỂM TỔNG KẾT |     | Ghi chú       |     |
|-----|-----------|--------------|--------|---------|----------------------------|---|-----|---|---|---|---|---|---------------|-----|---------------|-----|
|     |           |              |        |         | A                          | P | Q   | H | L | M | I | G | F             | SỐ  |               | CHỮ |
|     |           |              |        |         | 15                         |   | 30  |   |   |   |   |   |               | 55  |               | 100 |
| 1   | 152211938 | HỒ CÔNG      | TIẾN   | T15XDDB | 10                         |   | 7   |   |   |   |   |   | 6             | 6.9 | Sầu pháp Chên |     |
| 2   | 152211939 | ĐẶNG HỒNG    | ĐỨC    | T15XDDB | 0                          |   | 0   |   |   |   |   |   | V             | 0.0 | Khăng         |     |
| 3   | 152211940 | TRẦN HỮU     | BA     | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 4   | 152211941 | TRẦN CÔNG    | ĐÌNH   | T15XDDB | 5                          |   | 5   |   |   |   |   |   | V             | 0.0 | Khăng         |     |
| 5   | 152211942 | NGUYỄN VĂN   | SƠN    | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 6   | 152211943 | TRẦN VĂN     | CƯỜNG  | T15XDDB | 10                         |   | 6   |   |   |   |   |   | 5             | 6.1 | Sầu pháp Mất  |     |
| 7   | 152211944 | NGUYỄN HÙNG  | THANH  | T15XDDB | 10                         |   | 6   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 8   | 152211945 | LÊ VĂN       | LONG   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 9   | 152211946 | NGUYỄN ANH   | ĐŨNG   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 10  | 152211947 | BÙI THANH    | HÂN    | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 11  | 152211948 | ĐÌNH VŨ      | LŨNG   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 12  | 152211949 | NGUYỄN HỮU   | VINH   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 13  | 152211950 | PHAN PHỤNG   | PHƯƠNG | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 14  | 152211951 | TRƯƠNG QUANG | PHÒNG  | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 15  | 152211952 | TẠ NGỌC      | HÀI    | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 16  | 152211954 | ĐOÀN CÔNG    | TÂM    | T15XDDB | 10                         |   | 7   |   |   |   |   |   | 7             | 7.5 | Bại pháp Nám  |     |
| 17  | 152211955 | NGUYỄN ĐÌNH  | THẠNH  | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 18  | 152211957 | NGUYỄN VĂN   | THÔNG  | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 19  | 152211959 | NGUYỄN ĐỨC   | VIỆT   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 20  | 152211960 | NGUYỄN VĂN   | QUANG  | T15XDDB | 10                         |   | 5.5 |   |   |   |   |   | 4             | 5.4 | Nám pháp Bấu  |     |
| 21  | 152211961 | NGUYỄN THANH | ĐÔNG   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 22  | 152211964 | PHẠM DUY     | KHÁNH  | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 23  | 152211965 | NGUYỄN VĂN   | VŨ     | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 24  | 152211966 | NGUYỄN ĐỨC   | THƠM   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 25  | 152211967 | VŨ THÀNH     | NHÂN   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 26  | 152211968 | HỒ NHƯ       | ?      | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 27  | 152211969 | PHẠM HỮU     | HÙNG   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 28  | 152211970 | NGUYỄN MINH  | QU?    | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 29  | 152211971 | HUỖNH NGỌC   | HIỀN   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 30  | 152221986 | NGÔ QUỐC     | DIỆP   | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 31  | 152221991 | NGUYỄN       | ĐỨC    | T15XDDB | 10                         |   | 5   |   |   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |

## BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

| STT                | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL        | TỶ LỆ       | GHI CHÚ |
|--------------------|-------------------|-----------|-------------|---------|
| 1                  | Số sinh viên đạt  | 4         | 13%         |         |
| 2                  | Số sinh viên nợ   | 27        | 87%         |         |
| <b>TỔNG CỘNG :</b> |                   | <b>31</b> | <b>100%</b> |         |

## LẬP BẢNG

**KIỂM TRA**  
(*k?* và *ghi r? họ tên*)

**L?NH ĐẠO KHOA**  
(*k? và ghi r? ho tên*)

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 12 năm 2011

